

Số: 316/2017/ QĐST- HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 07 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 233/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: 165 Đào Duy A, phường Phú B, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: 5/220 Nguyễn Sinh C, phường Vỹ D, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Phạm Hoàng H, sinh năm 1973; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 165 Đào Duy A, phường Phú B, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/6/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/6/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị M và anh Phạm Hoàng H.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về hôn nhân: Anh H, chị M chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc do không hợp nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Vì vậy, anh H và chị M cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

b/ Về nuôi con chung: Anh H, chị M công nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trần Nhật H, sinh ngày 11/12/2000. Nguyên vọng của cháu H xin ở với chị M nên anh H, chị Mai thỏa thuận giao cháu H cho chị

M trực tiếp nuôi dưỡng đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Hoàng H và chị Trần Thị M cùng xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hoàng H và chị Trần Thị M mỗi người phải chịu án phí là 75.000đồng. Chị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí của cả hai người là 150.000đồng, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đồng tại biên lai thu số AA /2013/ 002834 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nên hoàn trả lại chị M 150.000đồng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSNDTP-Huế;
- UBNDP Phú B, Huế;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh